

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2022/DS-ST
Ngày: 31-8-2022
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Bỉ.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: Số X, Ấp Y, xã PK, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thúy N, sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: Số A2 Nhà ở xã hội CDH, Số M, đường N, Tổ A, Khu phố B, phường TrT, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: Số W, đường PH, xã PL, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 23/6/2022).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1983; Địa chỉ cư trú: Số Z, Ấp XY, xã TB, huyện T1, tỉnh Long An.

(Bà H có mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị H do bà Trần Thị Thúy N đại diện trình bày:

Từ tháng 02/2020 đến tháng 02/2021 bà Trần Thị H có cho bà Nguyễn Thị Mộng T vay tiền nhiều lần, tổng số tiền là 408.000.000 đồng, việc cho vay tiền không được lập thành văn bản và được thực hiện bằng phương thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng, cụ thể:

Ngày 13/02/2020: 40.000.000 đồng;

Ngày 19/02/2020: 20.000.000 đồng;

Ngày 26/02/2020: 40.000.000 đồng;

Ngày 01/3/2020: 5.000.000 đồng;

Ngày 04/3/2020: 45.000.000 đồng;

Ngày 12/3/2020: 2.000.000 đồng;

Ngày 22/3/2020: 20.000.000 đồng;

Ngày 15/4/2020: 2.000.000 đồng;

Ngày 23/4/2020: 34.000.000 đồng;

Ngày 27/4/2020: 10.000.000 đồng;

Ngày 04/5/2020: 50.000.000 đồng;

Ngày 27/5/2020: 100.000.000 đồng;

Ngày 14/6/2020: 10.000.000 đồng;

Ngày 12/8/2020: 10.000.000 đồng;

Ngày 08/02/2021: 15.000.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền mặt;

Tổng cộng các khoản tiền nêu trên là 408.000.000 đồng.

Trước khi bà H khởi kiện, bà T đã trả cho bà H số tiền 90.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 02/5/2020 trả 10.000.000 đồng;

Ngày 14/6/2020 trả 10.000.000 đồng;

Ngày 30/12/2020 trả 70.000.000 đồng;

Sau khi bà H khởi kiện, ngày 28/6/2022 mẹ của bà T đã chuyển khoản trả cho bà H số tiền 40.000.000 đồng.

Như vậy, bà T đã trả cho bà H tổng cộng số tiền 130.000.000 đồng, còn nợ bà H số tiền 278.000.000 đồng nên bà H khởi kiện yêu cầu bà T trả cho bà H số tiền nợ vay là 278.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Bà thừa nhận có vay tiền của bà H rất nhiều lần, việc vay tiền thực hiện qua chuyển khoản ngân hàng, bà đồng ý theo số tiền nợ vay theo các bản Sao kê tài khoản ngân hàng do bà H cung cấp là 408.000.000 đồng. Bà đã trả cho bà H số tiền nợ là 130.000.000 đồng vào các mốc thời gian đúng như đại diện nguyên đơn đã trình bày cũng bằng phương thức chuyển khoản Ngân hàng. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền nợ vay còn lại là 278.000.000 đồng thì bà đồng ý; tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh công việc của bà gặp nhiều khó khăn nên không có khả năng trả nợ một lần cho bà H toàn bộ số tiền nợ trên, bà đề nghị được trả dần 10.000.000 đồng/04 tháng.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 278.000.000 đồng và yêu cầu bị đơn trả trong vòng 03 tháng, như sau: ngày 30/9/2022 trả 100.000.000 đồng, ngày 30/10/2022 trả 100.000.000 đồng và ngày 30/11/2022 trả 78.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Mộng T trả tiền nợ vay, bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng T hiện đang cư trú tại xã TB, huyện T1, tỉnh Long An theo xác nhận của Công an xã TB, huyện T1, tỉnh Long An. Như vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà T trả số tiền 278.000.000 đồng và trả trong vòng 03 tháng, cụ thể: Ngày 30/9/2022 trả 100.000.000 đồng, ngày 30/10/2022 trả 100.000.000 đồng và ngày 30/11/2022 trả 78.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện nhưng không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị Mộng T trả lại số tiền nợ vay 278.000.000 đồng, thấy rằng: Tại phiên hòa giải, các đương sự đã thống nhất được số tiền nợ vay còn lại là

278.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Thị Mộng T còn nợ bà Trần Thị H số tiền nợ vay là 278.000.000 đồng là tình tiết sự kiện không phải chứng minh do các bên đã thừa nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà T đồng ý trả cho bà H số tiền nợ vay 278.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận, tuy nhiên bà T yêu cầu được trả dần mỗi 04 tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà T.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa yêu cầu bị đơn trả hết số nợ 278.000.000 đồng trong vòng 03 tháng, như sau: ngày 30/9/2022 trả 100.000.000 đồng, ngày 30/10/2022 trả 100.000.000 đồng và ngày 30/11/2022 trả 78.000.000 đồng. Vì bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên các bên không thể thỏa thuận tại phiên tòa về phương thức trả nợ như nguyên đơn trình bày. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu 13.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn; bà Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 95, Điều 147, Điều 177, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Nguyễn Thị Mộng T.

Bà Nguyễn Thị Mộng T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H số tiền nợ vay là 278.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu 13.900.000 đồng (Mười ba triệu chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

Bà Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà H số tiền 7.950.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007405 ngày 13/7/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Hoàng Dung